

# KHẢO LUẬN



## NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ KHÁI QUÁT VỀ TIẾNG VIỆT

LTS: Từ khi được xuất bản bên Hà Lan, cuốn ngữ pháp tiếng Việt của Giáo sư Nguyễn Đình-Hoà (Vietnamese: John Benjamins Co. Amsterdam, 1997) đã được nhiều người phê bình và giới thiệu trên các chuyên san về ngữ học. Nay chúng tôi hân hạnh bắt đầu giới thiệu với quý độc giả bản Việt ngữ của tác phẩm đó nhan đề **Tiếng Việt Không Sơn Phấn**. Chúng tôi nghĩ đây cũng là một cách để kỉ niệm ngày người sinh viên Việt ở tuổi 24 bước chân lên đất Mỹ cách đây 52 năm (như được tường thuật trong cuốn tự truyện *From The City Inside The Red River* đã được ra mắt tại Westminster, CA, Arlington, VA, Palo Alton CA, và Houston, TX).

(tiếp theo VHVN số tám - mùa xuân 2.000)

### ÂM-HỆ TIẾNG VIỆT-NAM

#### 2.0 Một ngôn-ngữ đơn-lập.

Những nhà ngữ-học khi so-sánh các loại-hình ngôn-ngữ, nếu xét đến mọi đặc-tính của từ, sẽ xếp tiếng Việt vào loại "ngôn-ngữ đơn-lập" (còn gọi là "cách-thể") (isolating languages). Trong một ngôn-ngữ đơn-lập hay cách-thể, tất cả các từ đều không biến-dạng, và những quan-hệ ngữ-pháp được biểu-hiện trước tiên bằng trật-tự của các từ trong một chuỗi lời nói. Thí-dụ, trong câu tiếng Việt

Mỗi từ như *sáng, nay, tôi, uống, hai, tách, cà-phê, đen* đều có nghĩa và đều có chức-năng rõ-rệt của mình. Động-từ *uống* không thay đổi như động-từ *drink* của Anh-ngữ hay *boire* của Pháp-ngữ, hai ngôn-ngữ này là "ngôn-ngữ biến-cách" (còn gọi là "hoà kết") (*inflectional languages*), trong đó từ tương-ứng với *uống* có nhiều hình-thái, thí-dụ *drink, drinks, drank, drunk, drinking* với nghĩa khác nhau ("uống", "uống rồi", "đã uống", "đang uống", v.v.). Những ngôn-ngữ khác như Hán-ngữ và nhiều ngôn-ngữ vùng Đông-nam châu Á (kể cả Thái-ngữ, Lào-ngữ, v.v.) cũng đều là các ngôn-ngữ không biến-cách (*non inflectional languages*).

Người ta còn dùng thuật-ngữ "ngôn-ngữ phân-tích", trái với "ngôn-ngữ tổng-hợp" là một hệ-thống trong đó một từ gồm có hai hay nhiều đơn-vị hình-thái --- gọi là "hình-vị" {="ngữ-vị", "móc-phim"}. Trong tiếng Anh, động-từ *drank* gồm có một hình-vị (hay móc-phim) căn-bản, là căn-tố *drink*, và một hình-vị chỉ thời quá-khứ {được biểu-hiện bằng sự biến-đổi nguyên-âm /i/ thành /ae/}. Động từ *talked* cũng gồm một căn-tố là móc-phim *talk* đằng sau có móc-phim /-t/ chỉ thời quá-khứ, phát-âm thành /-t/ nhưng lại viết -ed. Mặt khác, trong Anh-ngữ, danh từ số nhiều *cups* "những cái tách" gồm có căn-tố *cup*, cộng với móc-phim /-s/ chỉ số nhiều. Còn trong danh-từ *dogs* "những con chó" thì theo sau căn-tố *dog*, hình-vị chỉ số nhiều lại là cái đuôi /z/--- trước gọi là "tiếp vĩ-ngữ", nay gọi là "hậu-tố" tức yếu-tố theo sau căn-tố. Hình-vị chỉ số nhiều của danh từ trong Anh-ngữ còn có nhiều hình-thái khác nữa.

Trong mỗi ngôn-ngữ, ngữ-tuyến, hay chuỗi lời nói, được chia cắt ra thành những "âm-tiết" (*syllables*), là những khúc, những đoạn khác nhau, những đơn-vị phát-âm, lớn hơn một âm-tố và nhỏ hơn một từ. (Trong thí-dụ trên kia, mỗi từ như *sáng, nay, tôi, uống, hai, tách, đen* gồm có một âm-tiết duy-nhất, còn từ *cà-phê*, mà ta mượn của Pháp-ngữ, thì gồm có hai âm-tiết --- *cà* và *phê*.) Về phương-diện ngữ-âm, người ta định-nghĩa mỗi âm-tiết được thốt ra trong lời nói bằng đỉnh vang ở trung-tâm của âm-tiết đó, theo nhịp căng lên rồi chùng xuống của cơ thịt trong bộ máy phát-âm: *sáng---nay---tôi---uống---hai---tách---cà---phê---đen*. Và trong câu thí-dụ, ta đếm được tất cả là chín âm-tiết.

Về phương-diện ngữ-nghĩa, thì mỗi âm-tiết như *sáng, nay, tôi, uống, hai, tách, đen* đồng thời cũng là một hình-vị (*morpheme*). Hình-



vị là đơn-vị bé nhất mà có ý-nghĩa trong cả câu, và còn được gọi là một từ-tổ, tức yếu- tố tạo nên từ. Còn hai âm-tiết *cà* và *phê* thì nếu đứng riêng ra không có nghĩa, và sự xuất hiện của hai đơn-vị hình-thái ấy (dùng trong việc phiên-âm từ *café* của tiếng Pháp) chỉ hạn-chế vào trường-hợp đó mà thôi. [Khi thứ đồ uống ấy mới được du nhập từ phương Tây vào nước ta, các cụ coi nó là một loại trà nên còn gọi nó là "trà-phê"!]

Về phương-diện cấu-trúc và chức-năng ngữ-pháp, thì *sáng nay, tôi, uống hai tách cà-phê đen* là những đơn-vị từ-vựng được sắp xếp theo một trình tự đặc-biệt để biểu-hiện những quan-hệ ngữ-pháp rõ-rệt (dấu cộng "+" có nghĩa là "đi với"):

*Sáng + nay,*  
*tôi + uống hai tách cà-phê đen,*  
*uống + hai tách cà-phê đen,*  
*hai + tách cà-phê đen,*  
*tách + cà-phê đen,*  
*cà-phê + đen.*

Mỗi đơn-vị đó là một từ (Word), và câu trên có chín âm-tiết, nhưng chỉ có tám từ mà thôi.

Trong lĩnh vực ngữ-âm-học, người ta phân-biệt hai loại âm chủ-yếu: (1) những âm có thể đứng một mình hoặc xuất-hiện ở trung tâm của một chuỗi âm, và (2) những âm không thể đứng một mình hoặc chỉ xuất-hiện ở ngoài biên của một chuỗi âm. Loại (1) như [a], [e], [i], [o], [u], v.v., có thể phát ra độc-lập, có tên là nguyên-âm ("vowels"), còn gọi là mẫu-âm "âm-mẹ". Loại (2) như [p], [t], [k], [b], [d], [g], [m], [n], [ŋ], [f], [v], [s], [z], v.v., không thể phát ra độc-lập và chỉ đi kèm với nguyên-âm, có tên là phụ-âm ("consonants", còn gọi là tử-âm "âm con"). [Xem Nguyễn Đình-Hoà, *Bài giảng Ngữ-học Nhập-môn*, Tập I (Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, 1962), Chương 5].

Chuỗi âm CV gồm có một phụ-âm (viết tắt C) đi trước một nguyên-âm (viết tắt V) rất phổ-biến, tạo nên những "âm-tiết mở" mà ta thấy trong từ *ta-be-ru* của tiếng Nhật-bản nghĩa là "ăn", hay trong đoạn *ba ni-cô* của tiếng Việt, hay trong từ *bu-rii* của tiếng Thái-lan nghĩa là "thuốc lá", hay trong từ *ma-ri* "chồng" hoặc *ca-fê* "cà-phê" của tiếng Pháp, v.v. Kiểu CVC (phụ-âm + nguyên-âm + phụ-âm) cũng khá phổ-biến: đó là trường-hợp những "âm-tiết khép" như *bát, cơm, ngon*, trong tiếng Việt, *maj-khiid* "que diêm" trong tiếng Thái, hoặc

*fat, mad, cat, sit, hot, tin, roof, v.v.* trong tiếng Anh.

Muốn nhìn vào âm-hệ (tức hệ-thống âm-thanh) của Việt-ngữ, ta sẽ bắt đầu với cấu-trúc của một âm-tiết, vì mỗi đơn-vị âm-tiết là một thực-thể trọn- vẹn thông-thường được gọi nôm-na là một "tiếng". Ta sẽ chú-trọng đến những tổ-hợp các đơn-vị (tức đơn-vị ngữ-âm) của thứ ngôn-ngữ ta cần phân-tích, xem chúng được sắp-xếp ra sao để tạo nên các âm-tiết trong tiếng Việt. Đây là công-việc của âm-vị-học, mà mục đích là nghiên-cứu về các âm-vị của một ngôn-ngữ riêng-biệt (trong trường-hợp này là Việt-ngữ. [Xem Nguyễn Đình-Hoà, *Bài giảng ngữ-học Nhập-môn*, Tập I, Chương 6].

Trên kia, ta đã nói rằng trong Việt-ngữ, ta có danh từ "tiếng", để chỉ cái đơn-vị tự-nhiên nhất trong lời nói, trong ngôn-ngữ, như *sáng, tối, anh, tôi, ăn, uống, cơm, nước, v. v.* Nó là một đơn-vị phát-âm nhỏ nhất, một đơn-vị âm-hiệu có tên chuyên-môn là âm-tiết ("syllable"), có thể được coi là cái "vỏ ngữ-âm". Nhưng "tiếng" cũng đồng thời là một hình-vị (hay ngữ-vị) giống như một móoc-phim ("morpheme") của các ngôn-ngữ khác khi ta đứng về phương-diện hình-thái ngữ-âm mà xét những đơn-vị như /eat/, /cat/, /-s/, /talk/, /-ed/, /-ing/ trong Anh-ngữ, hoặc /boire/, /buv-, /-ons/, /-ez/ trong Pháp-ngữ. Có tác giả gọi nó là hình-tiết [Nguyễn Tài Cẩn 1975: 38]. Hơn nữa, đứng về phương-diện ngữ-nghĩa, "tiếng" lại còn có chức-năng là một yếu-tố tạo nên từ, tức từ-tổ ("monème") như *bờ* trong *bờ-câu, bờ-kết, bờ-nông*, hoặc, trong nhiều trường-hợp, giữ hẳn chức-năng của một từ ("word" = "mot") là đơn-vị "có phạm-sự ngữ-pháp nhất định" [Lê Văn Lý 1968: 30] vì được dùng để đặt câu, như *bờ* trong *Cô ấy là người phở Hàng Bờ, Trông bà ta như cái bờ sứt cạp* ("người sò-sè quá mức), *Miếng Na-mô bụng bờ dao găm*. Như vậy là theo ba góc-độ khác nhau, một tiếng có thể đồng thời là ba đơn-vị khác nhau tùy cái nhìn của ta, khiến cho có tác giả [Nguyễn Kim Thản 1983: 88] đã bảo tiếng là "một thể ba ngôi"--- một nét đặc thù của Việt-ngữ.

Bây giờ, ta hãy nhìn vào cách cấu-tạo nội-bộ của từng âm-tiết đã.

### 2.1 Cấu trúc của âm-tiết.

Mỗi âm-tiết trong tiếng Việt có tính độc-lập cao và gồm có ba phần:

1. một phụ-âm đầu (gọi là onset);
2. một vần theo sau đó, tức là phần còn lại của âm-tiết: có thể



là một nguyên-âm hạt-nhân đứng một mình, hoặc đứng sau một âm-đệm /w/ (còn gọi là giới-âm), rồi đằng sau nguyên-âm chính đó còn có thể có (hay không có) một phụ-âm cuối (gọi là "coda");

3. một trong sáu thanh-điệu (tức thanh/thình "ngang, sắc, hỏi, huyền, nặng, ngã" tùy thuộc vào cách biến đổi độ cao của phần vần).

Nếu ta dùng kí-hiệu C thay cho phụ-âm đầu, rồi gọi phần vần là x, và phần thanh-điệu (tức thanh/thình) là T, thì một âm-tiết điển-hình kiểu CVC sẽ có công thức

$$T \\ C_1 + x$$

Thuật-ngữ truyền-thống gọi phụ-âm đầu là thanh-mẫu và phần vần còn lại là vận-mẫu. Vần hay vận mẫu thì bắt buộc phải có nguyên-âm chính V, đằng trước nó có thể có âm-đệm ("giới-âm") /w/ và đằng sau nó có thể có một phụ-âm cuối C<sub>2</sub> :

$$x = (w) V + (C_2)$$

và toàn-bộ âm-tiết có thể được hình-dung như sau:

$$T \\ C_1 + (w) V + (C_2)$$

Trường hợp từ *oan* thì phụ-âm đầu /ə/ không cần ghi: /w-/ + /a/ + /-n/.

### 2.1.1 Phụ-âm đầu.

Phụ-âm C<sub>1</sub>, đứng đầu âm-tiết có thể là zero (0) nghĩa là vắng mặt, như trong *oan*, *ăn*, *ốm*, *im*, *úng*, v.v. với vần /oan/, /ăn/, /ốm/, /im/, /úng/. Thật ra, đằng trước mỗi nguyên-âm trong mấy âm-tiết này đều có tắc-âm hầu, ghi theo ngữ-âm là [ʔ ɤa n], [ʔ ă n], [ʔ ố m], [ʔ i m], [ʔ ù ỹ].

Trong mỗi âm-tiết chỉ có thể có một phụ-âm đầu thôi, thí-dụ /t- / hay /k-/. Tuy nhiên, phần vần x có thể gồm có

1. một nguyên-âm hạt-nhân duy-nhất, hoặc
2. một nguyên-âm hạt-nhân và một phụ-âm cuối, hoặc
3. một nguyên-âm hạt-nhân mà đằng trước có giới-âm tức âm-đệm /w-/, [ɥ], hoặc

4. một nguyên-âm hạt-nhân mà đằng trước có âm-đệm /w- / và đằng sau còn có một phụ-âm cuối nữa, như trong hai nhóm thí-dụ dưới đây:

a 1	t-ê	C <sub>1</sub> + V
2	t-ê-n	C <sub>1</sub> + V + C <sub>2</sub>

3	t-u-ế	C <sub>1</sub> + w + V
4	t-o-á-n	C <sub>1</sub> + w + V + C <sub>2</sub>
b 1	c-á	C <sub>1</sub> + v
2	c-á-n	C <sub>1</sub> + V + C <sub>2</sub>
3	q-u-á	C <sub>1</sub> + w + V
4	q-u-á-n	C <sub>1</sub> + w + V + C <sub>2</sub>

Những thí-dụ a3, a4, b3, và b4 có giới-âm tức âm đệm /w/ có thể ghi theo ngữ-âm-học (kí-hiệu để trong ngoặc vuông) và âm-vị-học (kí-hiệu để giữa hai gạch chéo) như sau:

a3	t-uế	/twế/	[t ɥ ế]
a4	t-oán	/twán/	[t ɥ á n]
b3	q-uá	/kwá/	[k ɥ á]
b4	q-uán	/kwán}	[k ɥ á n]

Thêm thí-dụ:

s-áng	/sán/	[s á ɲ]
n-ay	/naj/	[n a ɲ]
n-ai	/naj/	[n a ɲ]
n-ây	/nâj/	[n â ɲ]
t-ôi	/tôj/	[t ô ɲ]
đ-au	/đăw/	[đ ă ɥ]
đ-ao	/đaw/	[đ a ɥ]
đ-âu	/đâw/	[đ â ɥ]
uống	/úân/	[ʔ u ấ ɲ]
t-uấn	/twấn/	[t ɥ ấ n]
t-ách	/t ăj k/	[t ă ɲ k]
x-anh	/s ăj n/	[s ă ɲ n]
kh-oẻ	/xwẻ/	[x ɥ ẻ]
m-ạnh	/mặj n/	[m ặ ɲ n]
h-oàn t-oàn	/hwàn twàn/	[h ɥ à n t ɥ à n]
ch-ính ph-ủ	/cínj fủ/	[c í ɲ f ủ]
th-ong th-ả	/thăwɲ thả/	[th ă ɥ ɲ <sup>m</sup> th ả]
Trần Quốc Tuấn	/trần kúák twán/	[trần k ú á k t ɥ á n]
Phan Đình Phùng	/fan đin fùn/	[f a n d i ɲ f ɥ <sup>m</sup> ]
Nguyễn Đình Chiểu	/ɲwĩân đin ciăw/	[ɲ ɥ i ấ n d i ɲ c i ấ ɥ]
Hà-nội	/hà nộj/	[h à n ộ ɲ]
Hải-dương	/hạj zưân/	[h ă ɲ z ư ấ n]

Nghi-lộc	/ŋi lậkw/	[ŋ i l ậ ụ k <sup>l</sup> ]
h-ọc th-ầy	/hặkw thầi/	[h ặ ụ k <sup>l</sup> th ầ i]
h-ọc b-ạn	/hặkw bậ/	[h ặ ụ k <sup>l</sup> b ậ n]
th-ành c-ông	/thắŋ kâwŋ/	[th ắ ị ŋ k â ụ n <sup>m</sup> ]
th-ất b-ại	/thất bậi/	[th ấ t b ậ i]
h-oang đ-ường	/hwang đ ườ ng/	[h ụ a ŋ đ ườ ậ ŋ]
h-uyền th-oại	/hwiân thwaj/	[h ụ i ậ n th ụ a ị]
âm-tiết	/âm tiát/	[âm t i ậ t]
th-ương t-iết	/thương tiák/	[th ư ậ ŋ t i ậ k]

Hệ-thống âm đầu trong tiếng Việt gồm toàn những âm-vị phụ-âm đơn, liệt kê trong bảng dưới đây:

**Bảng 2.1 Các phụ-âm đầu.**

Âm-vị	Chữ viết	Thí-dụ
1. /b-/	<i>b-</i>	<i>ba bốn bà beo-béo</i>
2. /k-/	<i>c-, k-, qu-</i>	<i>con cá, cái kim, quả cam, quê-kêch</i>
3. /c-/	<i>ch-, tr-</i>	<i>cha, che, chú, chị; tra, tre, trú, trị, trang-trọng</i>
4. /z-/	<i>d-, gi-, r-</i>	<i>(áo) da, dì (ruột), gia (-đình), ra (vào)</i>
5. /d-/	<i>đ-</i>	<i>đi đây đi đó; được đến đâu hay đến đó</i>
6. /g/	<i>g-, gh-</i>	<i>gay-go, ghi, ghê-gớm, gờ-ghè, ghét</i>
7. /h-/	<i>h-</i>	<i>ho-hen, hú-hí, hện-hò, hỏn-hẻn</i>
8. /x-/	<i>kh-</i>	<i>khò-khè, khó-khăn, khoe-khoang</i>
9. /l-/	<i>l-</i>	<i>lẻ-loi, lúu-lo, lếu-láo, lỗi-lầm</i>
10. /m-/	<i>m-</i>	<i>mãi-mãi, mớ-màng, mới-mẻ, mồm-mồm</i>
11. /n-/	<i>n-</i>	<i>no-nê, năn-nỉ, nở-nang, nũng-nịu</i>
12. /ŋ-/	<i>ng-, ngh-</i>	<i>nghi-ngờ, ngô-nghê, nghe-ngóng, nguy-nga</i>
13. /ɲ-/	<i>nh-</i>	<i>nhè-nhẹ, nhớ-nhung, nhấc-nhỏ, nhí-nhảnh</i>
14. /p-/	<i>*p-</i>	<i>píp, pin, pô-ke, pô-pơ-lin</i>
15. /f-/	<i>ph-</i>	<i>phương-pháp, phe-phái, phình-phờ, phát-phơ</i>
16. /t-/	<i>t-</i>	<i>tết ta, tú-tài tây, tí-tẹo, to-tướng</i>
17. /t̚-/	<i>th-</i>	<i>thật-thà, thông-thả, thỉnh-thoảng, thủ-thỉ</i>
18. /v-/	<i>v-</i>	<i>ví-von, vui-vẻ, vội-vàng, vù-vù</i>
19. /s-/	<i>x-, s-</i>	<i>xa-xăm, xã-xệ, xa-xỉ; sa-sút, sà-lan, sai-sốt</i>
20. /t̚̚̚-/	<i>tr-</i>	<i>tra, tre, trú, trị, trang-trọng</i>
21. /s̚-/	<i>s-</i>	<i>sa-sút, sao sa, sao sáng, sạch-sẽ</i>
22. /r̚-/	<i>r-</i>	<i>rời ra rất rắc-rối</i>



\*Âm-vị /p/ thường chỉ xuất-hiện ở cuối âm-tiết, song ngày nay âm đó cũng xuất-hiện ở đầu âm-tiết trong một số những từ mượn của tiếng Pháp, như (*hút*) *píp*, (*đèn*) *pin*, (*đánh bài*) *pô-ke*, (*vải*) *pô-pơ-lin*, v.v.

Trong số 22 âm đầu liệt-kê ở Bảng phía trên, những âm-vị đánh số từ 1 đến 19 tiêu-biểu cho phương-ngữ miền Bắc, đặc-biệt giọng Hà-nội, còn ba âm-vị sau chót (số 20, 21 và 22) là những âm cong lưỡi ("retroflex") tiêu-biểu cho một vài nơi ở miền Bắc cùng những địa-phương chạy từ phía Bắc của miền Trung về hướng nam. Âm-vị sau chót, số 22, đôi khi được phát-âm như âm /r/ trong giọng Sài-gòn; phương-ngữ này cũng không có âm-vị /v-/ (số 18) của phương-ngữ Bắc. Riêng phương-ngữ Bắc thì nói chung, ba âm-vị số 20, 21, và 22 được thể hiện như /c-/ (*tra* đọc như *cha*), /s-/ (*sa* đọc như *xa*), và /z-/ (*ra* đọc như *da*).

Trong phương-ngữ Bắc, có người ở vùng thôn-quê không phân-biệt hai âm-vị riêng biệt /l-/ và /n-/ và phát âm từ láy *làm-lung* thành *nằm-nụng* hoặc từ-ngữ *làm-nũng* thành *nằm-nũng*. Cách đọc này không được coi là chuẩn, vì chính-tả phân-biệt rõ-ràng những cặp vần như *sa: xa, tra: cha, lên: nên*. Chính-tả cũng phân-biệt ba từ *da: gia: ra*, mặc dầu trong phương-ngữ Bắc cả ba đều được phát-âm như /za/. Về điểm này có người nói giọng Sài-gòn phát-âm cả hai từ *da* và *gia* thành /ya/, với âm lướt hay âm đệm /y/[j-] trước nguyên-âm chính /a/.

Cuốn từ-điển tam-ngữ Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes (1592-1660), xuất-bản tại Roma năm 1651 có ghi mấy nhóm phụ-âm như sau:

/bl-/ như trong *bla*, *blai*, *blái*, *blăng*, *blo*, *blòi*, v.v. Trong tiếng Việt hiện-đại, đó là những từ *trá, trai, trái, trắng, tro, trời*, v.v.: nhóm âm /bl-/ ngày nay đã thành âm cong lưỡi /tr/.

/ml-/ như trong *mlằm*, *mlát*, *mlời*, *mlớn*, v.v. ngày nay là những từ *lằm, lát, lē, lời, lớn*, v.v. do âm /m/ rụng đi.

/mnh-/ như trong *mnhằm*, *mnhē*, v.v. cũng vì âm /m/ rụng đi mà trở thành những từ *nhằm, nhē*, v.v. trong tiếng Việt hiện-đại.

/tl-/ như trong *tlai*, *tlái*, *tlăm*, *tlâu*, *tle*, v.v. thì cũng trở thành âm cong lưỡi /tr-/ của những từ tương-ứng trong tiếng Việt hiện-đại *trai, trái, trằm, trâu, tre*, v.v.

Như vậy những nhóm phụ-âm đó còn được thấy trong tiếng Việt trung-đại (thế kỉ 17), nhưng ngày nay không tồn-tại trong bất cứ



một phương-ngữ nào của tiếng Việt cận-đại.

Mặt khác, trong hệ-thống chữ quốc-ngữ, một số các âm-vị phụ-âm lại được ghi mỗi âm-vị bằng hai chữ cái: thí-dụ *ch-* như trong *cha, chú, chị*; *gh-* như trong *tre, tràn-trề, trong-trẻo*. Âm-mũi của-mềm /ŋ-/ ở đầu một âm-tiết lại còn được ghi bằng ba chữ cái *ngh-* như trong *nghi, nghe, nghe*.

Lại có khi một âm-vị có tới hai hoặc ba cách viết: đó là trường hợp âm-vị /k/ được ghi bằng chữ k- trước một nguyên-âm dòng trước /i ê e/, nhưng bằng chữ q- nếu đằng sau nó có âm-đệm /-w-/, và bằng chữ c- trong những trường-hợp khác:

*ki-lô, ký (kí), kỳ (kì), kỷ (kì), kém, ké, kim, v. v.*

*qua, quê, quế, quán-quân, quý (quý), quên, quê, v.v.*

*cá, cãm (thù), cãm, cãm, con, cô, cơ, côm, cũ, cư, v.v.*

Sự thêm chữ "h" sau "g" và "ng" là vì ảnh hưởng của chữ viết của nước Italia (Ý-đại-lợi), hiện còn rớt trong cách ghi hai âm của mềm là xát-âm /g/ [ʒ] và tì-âm /ŋ/ [ŋ] bằng cách thêm chữ "h" trước một nguyên-âm dòng trước /i, ê, e/: thí-dụ *ghi, ghé, ghe* (so sánh *ga, gàn, gàn, gãm-gừ, gù, gãm, gô, gờ*), *nghi, nghe, nghe* (so sánh *nga, ngãm-ngãm, ngãm, ngớ-ngắn, ngu, ngư ngo-ngoe, ngư-ngác, v.v.*

### 2.1.2 Vận (vận)

Trong nội bộ x, tức là vận-mẫu (hay vận), có thể xuất-hiện một nguyên-âm hạt-nhân, tức nguyên-âm chính, kí-hiệu là V. Yếu tố cần và đủ đó là một trong mười một nguyên-âm đơn (kê theo thứ-tự trong tự-mẫu tức bảng chữ cái:

*a, ă, â, e, ê, i (y), o, ô, ơ, u, ư*

**Bảng 2.2 Các nguyên-âm đơn**

	TRƯỚC	GIỮA	SAU
CAO	i	ư	u
TRUNG	ê e	ơ â	ô o
THẤP		a ă	

Trong hình tứ-giác nguyên-âm này, mười một nguyên-âm đơn được trình bày theo độ cao của lưỡi (cao, trung, thấp), phần lưỡi cao nhất được vận-dụng (dòng trước, dòng giữa, dòng sau). Nguyên-âm cao còn gọi là nguyên-âm hẹp nhất; nguyên-âm thấp còn gọi là nguyên-âm rộng nhất (hàm dưới trể xuống).

Một nguyên-âm cũng có thể đọc chún môi (thí-dụ ba nguyên-âm dòng sau /u/, /ô/, /o/) hay nhếch môi (thí-dụ ba nguyên-âm dòng trước /i/, /ê/, /e/ hay ba nguyên-âm dòng sau hoặc giữa /ư/, /ơ/, â/).

Hạt-nhân cũng có thể là một trong ba nguyên-âm đôi ("diphthongs"): /iâ/ viết *ia, iê-*; /uâ/ viết *ua, uô-*; và /ưâ/ viết *ưa, ươ-*. Trong ba nguyên-âm đôi này, cái nào cũng cho thấy sự thay-đổi về âm-tính trong nội-bộ âm-tiết-- người nghe có thể quan-sát sự "lướt" ("glide") từ một yếu tố /i u ư/ vang hơn, ở phía trên, kéo xuống yếu-tố ít vang /â/, thấp hơn và thuộc dòng giữa.

Nguyên-âm hạt-nhân /i/ trong một âm-tiết mở thì hoặc viết *i* (như trong *đi* "to go", *mì* "noodles", *sĩ*, "scholar", *hi-vọng* "hope") hoặc viết *y* (như trong *lý* "reason", *kỹ* "careful, thorough", *Mỹ* "America, American"). {Viết *lí-tưởng, kĩ-thuật, Mĩ-quốc* thì nhất quán hơn, và đã được đề-nghị làm cách viết tiêu-chuẩn trong phong-trào chuẩn-hoá chính-tả. Tuy nhiên, chính các nhà ngữ-học công-nhận là những cải-cách chính-tả dù cho rất hợp-lí cần đòi hỏi nhiều thời-gian, và công-chúng chưa sẵn-sàng chấp-nhận lối viết *Ông lí-tưởng Mĩ-cảnh thích ăn mì Hải-kí hơn mì Trung-kí*.)

Cả ba nguyên-âm đôi đều viết *-ia, -ua, -ưa*, trong một âm-tiết mở: *mía, mua, mưa* (thí-dụ a1, b1, c1 bên dưới). Tuy nhiên, nếu có phụ-âm cuối C (trong một âm-tiết khép) thì nguyên-âm đôi lại viết *iê-, uô-, ươ-*: như trong *miếng, muôn, mường* (thí-dụ a2, b2, c2):

a1 <i>m-ía</i>	C1 + Vâ
2 <i>m-iếng</i>	C1 + Vâ + C2
b1 <i>m-ua</i>	C1 + Vâ
2 <i>m-uôn</i>	C1 + Vâ + C2
c1 <i>m-ưa</i>	C1 + Vâ
2 <i>m-ường</i>	C1 + Vâ + C2

Nguyên-âm đôi /iâ/, viết *-ia* hoặc *-iê-*, còn phải theo vài qui-luật chính-tả đặc-biệt: Chúng ta viết *yê-* nếu có phụ-âm cuối nhưng không có phụ-âm đầu (như trong *yêu* /iâw/, *yếm* /iấm/). Hoặc nếu vừa có âm đệm /-w-/ đằng trước nó lại vừa có phụ-âm cuối đằng sau nó thì chúng ta viết *uyên* /wiân/ {như trong *uyên-ương*, *thuyết* /thwiấtt/, *Nguyễn* /nwiấnn/, *tuyên-truyền* /twiân-cwiầnn/. mà nếu không có phụ-âm cuối, thì khúc *-ia* lại viết *-ya*, như trong từ duy-nhất *khuya* /xwiâ/ (So sánh *khuyên* /xwiầnn/).

Sau hết, ta cần chỉ ra hai nguyên-âm *ã* (a ngắn) và *â* (ơ ngắn)



không bao giờ xuất-hiện trong một âm-tiết mở, và đằng sau nó phải có một phụ-âm cuối, như trong *ăn, ẩm, tắm, táng, sắp, mát, bắc, cần, cấp, đất, nấc*, v.v. Đó là ý-nghĩa của cái gạch nối sau hai nguyên-âm đó: *ă-â-*.

### 2.1.3 Phụ-âm cuối.

Đứng ở vị-trí cuối âm-tiết, có thể xuất-hiện một trong tám âm-vị: đó là một trong ba tắc-âm /p t k/, một trong ba tị-âm /m n ŋ/, hoặc một trong hai bán-nguyên-âm /y w/:

*đáp* [d á p], *mát* [m á t], *kác* [x á k], *khách* [x ă k];

*nam* [n a m], *bán* [b á n], *trang* [ç a ŋ] hay [tʰ a ŋ], *tranh* [c ă ŋ] hay [tʰ ă ŋ];

*tai* [t a ɿ] /tay/, *tay* [t ă ɿ] /tăy/;

*báo* [b á ɯ] /báw/, *bấu* [b ă ɯ] /bấw/.

Tắc-âm trước cửa-mềm theo sau nguyên-âm *i* và *ê* thì viết *-ch* (như trong *thích* [tʰi k], *éch* [é k]), còn tị-âm trước cửa-mềm thì viết *-nh* (như trong *minh* [m i ŋ], *bệnh* [b ê ŋ]).

Trong số những phụ-âm cuối C<sub>2</sub>, các âm cùng điểm phát-âm đối nghịch nhau, thí-dụ hai âm môi /p m/, hai âm nứu /t n/, hai âm màng-cửa /k ŋ/, như chúng ta có thể thấy trong những tiếng lấp-láy *ám-áp, đềm-đẹp, tôn-tốt, man-mát, sinh-sịch, vàng-vặc* {xem 3.5.2.2}.

Những cách viết *ung, ông, ong, uc, óc, oc* là biểu-hiện cho [uŋ<sup>m</sup>],

[aŋ<sup>m</sup>], [aŋ<sup>h</sup>], [uɤk<sup>p</sup>], [aɤk<sup>p</sup>], [aɤk<sup>h</sup>], mỗi trường-hợp âm cuối đều cùng một lúc có hai điểm phát-âm ("co-articulation") vừa ở môi, vừa ở màng-cửa khi nguyên-âm chính là nguyên-âm dòng-sau và chúm-môi /u ô o/, như trong *ung, lung-tung, ông, sông Hồng, ong, long-đong, đục, lục-đục, tộc, độc-mộc, đục, mộc-tóc*. Trong một vài trường-hợp hiếm có, tị-âm hay tắc-âm màng-cửa xuất-hiện một mình đằng sau một nguyên-âm dòng-sau /ô o/ dài, được viết ôô, oo: như *công* trong *công-kênh* (so sánh *công*); *boong* [< Pháp *pont*] (so sánh *bong*), *ba-toong* [< Pháp *bâton*] (so sánh *tong*), *loong-toong* "viên tùy phái" [< Pháp *planton*] (so sánh *long*), *bù-loong* [< Pháp *boulon*], *xoong* [< Pháp *casseroles*] (so sánh *xong*), *rơ-móc* [< Pháp *remorque*] (so sánh *móc*), *(quần) soóc* [< Anh *Shorts*] (so sánh *sóc*).

Bán nguyên-âm /-y/ {j}--- không bao giờ xuất-hiện sau một nguyên-âm dòng trước /i ê e/--- thì chúng ta viết *-y* sau hai nguyên-âm ngắn /ă-â-/ (như trong *tay, thay, cay, hay, may, nay; tây, thây, cây, háy, mây, nây*), nhưng lại viết *-i* đằng sau bất cứ nguyên-âm nào khác (như

trong *tai, tôi, tôi, tới, túi, thai, cai, hai, mai, nai, nơi, bơi, chửi, ngủi, đuối, muối, suối, người, đuối-ươi, bưởi*).

Còn bán-nguyên-âm /-w-/ {u}--- không bao giờ xuất-hiện sau một nguyên-âm dòng sau /u ô o/--- thì chúng ta viết -o sau hai nguyên-âm /a-, e-/ (như trong *ao, sao, bao, nào, eo-sèo, mèò, héo, kéo, teo, kéo, teo, khéo*), nhưng lại viết -u đằng sau bất cứ nguyên-âm nào khác (như trong *dâu, máu, mứu, kêu, thiú*).

**Bảng 2.3 Các phụ-âm cuối**

	Môi	Chóp lưỡi	Lưng lưỡi
Phụ-âm đôn	p	t	k
Phụ-âm vang			
mũi	m	n	ŋ
khg mũi		ɿ (j)	ʏ

#### 2.1.4 Âm-đệm.

Âm-đệm /-w-/ (có sách gọi là giới-âm), đến trước nguyên-âm hạt-nhân, được ghi bằng chữ -u- hay chữ -o, biểu-thị hiện-tượng chúm môi hay tròn môi (cũng gọi là "thần-âm-hoá"): thí-dụ *quá* /kwà/ [k ʏ à], *thuế* /th w ế/ [th ʏ ế], *thủy* /th w i/ [th ʏ i], *quyền* /k w i ầ n/ [k ʏ i ầ n], *toa* /t w a/ [t ʏ a], *khoẻ* /x w ẻ/ [x ʏ ẻ], *hoạt* /h w ạ t/ [h ʏ ạ t].

Nếu âm đầu là một nguyên-âm môi (hai-môi hay môi-răng) như /b, m, f, v/, thì ta không có âm-đệm--- trừ trường-hợp những từ mượn của Pháp-ngữ: như (*xe*) *buýt* (< autobus), *moa* (< moi), *moay-ơ* (< moyeu), *phuy* (*dầu*) (< fût), (*khăn*) *voan* (< voile).

Một vài từ bắt đầu bằng /nw-/ đều là những từ Hán-Việt như *noa* /nwa/ [n ʏ a] "con trẻ", *noạ* /nwạ/ [n ʏ ạ] "lười", *noãn* /nwãn/ [n ʏ ẫ n] "trứng", *nụy* /nwi/ [n ʏ i] "lùn".

Theo sau âm đệm /-w-/ không thể có một nguyên-âm chúm môi như *u, ô, o*, hay *uô-* (tức /uâ/). Nếu không có phụ-âm đầu mà nguyên-âm hạt-nhân lại là *i, ê, yê, ơ, á*, thì âm đệm /w-/ sẽ viết -u- như trong *ủy* (*quyền*) /wi/ [ʏ i], (*ô*) *uế* /wế/ [ʏ ế] "chất bản", *uyên* (-ương) /wiàn/ [ʏ i ầ n], *uất* (*hận*) /wất/ [ʏ ấ t].

Nhưng nếu nguyên-âm hạt-nhân là *a, ă, e*, thì âm-tiết đó sẽ viết *oa, oă, oe*, như trong (*khóc*) *oà* /wà/ [ʏ à], *hoà* (*binh*) /hwà/ [h ʏ à], *oát* (*con*) /wất/ [ʏ ấ t], (*bước*) *ngoặt* /ngwặt/ [ŋ ʏ ặ t] *oe-oe* /we-we/ [ʏ e ʏ ẻ], *khoẻ* /khwẻ/ [x ʏ ẻ].

Nếu phụ-âm đầu không phải là *q-* thì quy-luật vẫn được áp-dụng, và âm đệm /-w-/ được ghi bằng:



-u- như trong *tuy* /twi/ [t ɿ i], *Huế* /hwé/ [h ɿ é], *thuyền* /thwiên/ [th ɿ i ê n], *khuya* /khwiâ/ [x ɿ i â], *huơ* /hwơ/ [h ɿ ơ], *tuần* /twần/ [t ɿ à n], v. v. hoặc

-o- như trong *hoa* /hwa/ [h ɿ a], *khoa* /khwa/ [x ɿ a], *khoan* /khwan/ [x ɿ a n], *ngoặc* /ngwặk/ [ŋ ɿ ặ k], etc.

Mặt khác, nếu âm-tiết bắt đầu bằng *q-* thì những vần /-wa/, -wã, -we/ sẽ viết *-ua*, *-uã*, *-ue* (như trong *qua* /kwa/ [k ɿ a], *quã* /kwã/ [k ɿ ă n], *que* /kwe/ [k ɿ ɛ], *quen* /kwen/ [k ɿ ɛ n], *quét* /kwét/ [k ɿ ɛ t]).

(Xin xem tiếp trên VHVN số 10 - mùa thu 2.000)

